TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HS-ST
Ngày 06 tháng 11 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sùng Thị Mai
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông : Hứa Văn Chế
2. Ông: Nguyễn Văn Phiến
- T ký phiên tòa: Bà Đặng Thảo Trang - T ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 37/2020/TLST - HS ngày 21 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 37/2020/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Thị T, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1988, tại huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc O - sinh năm 1961, con bà Tống Thị H - sinh năm 1964; có chồng là Phạm Ngọc Q - sinh năm: 1981(*đã ly hôn năm 2018*); có 01 con sinh năm: 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: tốt; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 15/7/2020, được hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 24/7/2020, bị khởi tố ngày 24/7/2020 hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. *có mặt tại phiên tòa*.

*Người có QLNVLQ: 1/Bà Nguyễn Thị Ch - sinh năm: 1994; địa chỉ:Thôn K, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; tạm trú tại: Tổ 01, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Vắng mặt có lý do).*

2/ Bà Quan Thị Y - sinh năm:1998, địa chỉ: Thôn 3, P, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang;Tạm trú: tại Thôn C, xã P, thành phố H (*Vắng mặt có lý do).*

3/ Ông: Trần Tuấn A - sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Giang; tạm trú tại Tổ 14, phường M, Thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Vắng mặt có lý do).*

4/ Ông Trần Hoàng A - sinh năm:1988; địa chỉ: Tổ 01, phường N, Thành phố H, tỉnh Hà Giang (*Vắng mặt có lý do)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 15/7/2020, Trần Tuấn A *(sinh năm: 1985; trú tại:Tổ 14, phường M, thành phố H)* cùng Trần Hoàng A *(sinh năm:1988; nơi cư trú: Tổ 01, phường N, thành phố H)* đi taxi đến khách sạn Nhớ *(thuộc tổ 15 phường M, thành phố H)* mục đích để tìm mua dâm. Đến nơi, Tuấn A gặp lễ tân là Phạm Thị T *(sinh năm: 1988; HKTT: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: Tổ 15 phường M, thành phố H)* thuê 02 phòng nghỉ. T đưa chìa khóa phòng 203 và 205 cho Tuấn A. Hoàng A cầm chìa khóa phòng 205 lên phòng trước, Tuấn A ở lại hỏi T "*Ở đây có nhân viên phục vụ không"*, T hiểu ý của Tuấn A muốn tìm gái bán dâm nên trả lời *"Không có";* Tuấn A nói *"Cố gắng giúp anh"*, T trả lời *"Để em gọi điện xem sao"*. Trước đó, T có quen biết và kết bạn zalo với Nguyễn Thị Ch *(sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ 1, phường M, thành phố H),* biết Ch là gái bán dâm nên T sử dụng điện thoại IPHONES 6 Plus, vào ứng dụng Zalo với tên tài khoản đăng nhập là *"Phạm T"* gọi điện đến tài khoản "Trang Anh" của Ch và hỏi *"Có đi khách không"*; Ch hiểu ý là đi bán dâm nên trả lời "*Có*"; T hỏi *"Giá thế nào"*, Ch nói *"Chị trả cho em 2.000.000đ (Hai triệu đồng) còn chị thu khách bao nhiêu thì tùy chị*"; T đồng ý và bảo Ch là cần 02 người. Sau đó, T nói với Tuấn A tiền mua dâm là 2.500.000 đồng/1 người *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).* Tuấn A đồng ý và đưa cho T 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng).* T nói tiếp *"Xong nhớ cảm ơn em";* Tuấn A đưa thêm 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* rồi đi lên phòng 203, còn tiền thuê phòng nghỉ T sẽ thu sau.

Tại thời điểm T gọi cho Ch có Quan Thị Y *(sinh năm: 1998; HKTT: Thôn 3, P, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã P, thành phố H)* đang đến chơi chỗ Ch. Khi trao đổi với T, Ch bật loa ngoài nên Y ngồi gần đã nghe hết nội dung. Thấy T nói cần 2 người bán dâm nên Y bảo Ch cho đi cùng, Ch đồng ý. Sau đó Ch điều khiển xe môtô nhãn hiện VISION, biển kiểm soát 23B1 – 302.40 chở Y đến khách sạn Nhớ. Đến nơi, T đưa cho Ch 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng)* và 02 bao cao su, Ch đưa cho Y 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* và bảo Y lên phòng 203, còn Ch lên phòng 205. Khoảng 14 giờ 30 phút, khi Ch và Y đang bán dâm cho Tuấn A và Hoàng A thì bị lực lượng Công an thành phố kiểm tra phát hiện, lập biên bản.

Tại Biên bản sự việc hồi 14 giờ ngày 15/7/2020 tại Khách sạn Nhớ đã thu giữ của Phạm Thị T, Nguyễn Thị Ch, Quan Thị Y tổng số tiền là 5.500.000,đ *(Năm triệu, năm trăm nghìn đồng)*. Bao gồm 11 tờ tiền pôlime trị giá 500.000,đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 274/KL-PC09 ngày 21/8/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận 11*(mười một)* tờ tiền Việt Nam gửi giám định đều là tiền thật.

Trước Cơ quan điều tra bị can Phạm Thị T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình*;* Lời khai của bị can phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan trong vụ án, hành vi phạm tội của bị can con được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như: Biên bản sự việc; Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường *;* Biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại di động; Kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ những vật chứng và chuyển đến Cơ quan thi hành án dân sự để quản lý theo quy định gồm:

- Tiền Việt Nam: 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng).*
- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.
- 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MI, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.
- 01 *(một)* vỏ bao cao su màu trắng, bên ngoài ghi chữ DOKU, đã qua sử dụng.
- 02 *(hai)* chiếc bao cao su, bên ngoài ghi chữ Condom Hualei, chưa sử dụng.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi Môi giới mại Dâm theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 328 BLHS; thu lợi bất chính số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

Qua trình điều tra, người có QLNVLQ ông Trần Tuấn A và ông Trần Hoàng A đều xác nhận có hành vi mua dâm, Nguyễn Thị Ch, Quan Thị Y có hành vi bán dâm là vi phạm hành chính đã bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 22, Nghị định 167/2013/NĐ – CP ngày 12/11/2013 trong lĩnh vực an ninh trật tự xã hội, phòng chống tệ nạm xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình bằng hình thức phạt tiền 750.000đ/ người đối với Trần Tuấn A và Trần Hoàng A; phạt số tiền 200.000đ/người đối với Nguyễn Thị Ch và Quan Thị Y.

Bản cáo trạng số: 38/CT-VKTPHG ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Phạm Thị T về tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan CSĐT và phù hợp với tài liệu chứng cứ chứng minh do Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang thu thập được về thời gian, địa điểm, hành vi mà bị cáo đã thực hiện, cũng như vật chứng thu giữ được tại hiện trường, phù hợp với kết quả điều tra, nội dung vụ án. Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh hiện bị cáo đã ly hôn với chồng và đang phải một mình nuôi con nhỏ, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H sau phần xét hỏi và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu. Đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội " Môi giới mại dâm ".
- ***Hình phạt:*** Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.
- ***Về vật chứng*** : Áp dụng Điều 47 ; 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS;
* Tịch thu sung quỹ nhà nước:
- Tiền Việt Nam: 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)*. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MI, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.
 * Tịch thu tiêu hủy: - 01 *(một)* vỏ bao cao su màu trắng, bên ngoài ghi chữ DOKU, đã qua sử dụng, 02 *(hai)* chiếc bao cao su, bên ngoài ghi chữ Condom Hualei, chưa sử dụng.
- ***Về án phí HSST*** : Bị cáo Phạm Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.
Bị cáo Phạm Thị T không có ý kiến đối đáp lại đại diện Viện kiểm sát.
Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng: Bị cáo đều đã nhận thức được hành vi của mình đã vi phạm pháp luật, bị xử lý về hình sự là thỏa đáng. Bị cáo hứa sẽ cải tạo tốt và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử vụ án nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện trình tự, thủ tục theo đúng quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Thị T, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như sau: Vào hồi 13 giờ 00 phút, ngày 15/7/2020, tại khách sạn Nhớ thuộc tổ 15, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, Phạm Thị T lợi dụng công việc của mình được giao là quản lý, đón khách và sắp xếp phòng tại Khách sạn Nhớ, đã có hành vi: Môi giới mại dâm cho Nguyễn Thị Ch và Quan Thị Y với Trần Tuấn A và Trần Hoàng A tại phòng 203, 205 của khách sạn Nhớ thu tổng số tiền là 5.500.000,đ (*Năm triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó T trả cho người bán dâm 4.000.000,đ (*Bốn triệu đồng*), thu lời bất chính số tiền 1.500.000,đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) .

Hành vi phạm tội của Phạm Thị T là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh của xã hội, xâm phạm đến sức khoẻ của con người. Mại dâm là một tệ nạn xã hội gây ra nhiều tác hại cho mọi mặt của đời sống con người. Bị can đủ nhận thức và biết rõ việc môi giới mại dâm cho người khác mua bán dâm là vi phạm pháp luật. Do vậy, cần phải được xử lý bằng hình sự.

Lời nhận tội của bị cáo Phạm Thị T tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các chứng cứ tài liệu khác đã thu được lưu trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Thị T phạm tội "Môi giới mại dâm" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 328 BLHS.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo:

Hành vi Môi giới mại dâm của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo T đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, vì tư lợi cá nhân, bị cáo đã bất chấp pháp luật phạm tội, hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn thành phố H, tỉnh Hà Giang, để cải tạo giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có hiểu biết xã hội, không có tiền án, tiền sự, không có việc làm và mức thu nhập ổn định, do vậy cầm có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra đủ để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo là trụ cột gia đình có con nhỏ, đã ly hôn chồng, một mình tự nuôi con, bản thân bị cáo T lên Hà Giang đi làm thuê kiếm sống để nuôi con, cuộc sống sinh hoạt gia đình hoàn toàn là phụ thuộc vào bản thân bị cáo T, do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cho bị cáo, vì bị cáo T có khả năng cải tạo tại địa phương, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật, với các tình tiết nêu trên cần cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt. Áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 - BLHS năm 2015 cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định "Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000,đ đến 50.000.000,đ", do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa bị cáo không có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định, là trụ cột trong gia đình, bố mẹ đều ở nhà, nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, không có thu nhập. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

[5]. Về hành vi của các đối tượng liên quan trong vụ án này, ông Hà Sơn H và bà Nguyễn Thị T là chủ khách sạn Nhớ. Khoảng tháng 7/2020, vợ chồng ông H thuê Phạm Thị T làm nhân viên lễ tân khách sạn Nhớ với công việc được giao là tiếp nhận, quản lý khách lưu trú theo quy định. Ngày 15/7/2020, ông H và bà T không biết việc T có hành vi môi giới mại dâm cho khách đến thuê phòng tại

khách sạn Nhớ, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an thành phố H không xem xét xử lý.

Đối với hành vi mua, bán dâm của Trần Hoàng A, Trần Tuấn A, Nguyễn Thị Ch, Quan Thị Y là hành vi vi phạm hành chính. Ngày 20/9/2020, Công an thành phố đã ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Tuấn A và Trần Hoàng A về hành vi: Mua dâm, quy định tại Khoản 1, Điều 22, mức phạt tiền 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)*/1 đối tượng. Nguyễn Thị Ch và Quan Thị Y về hành vi: Bán dâm quy định tại Khoản 1, Điều 23 mức phạt tiền 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*/1 đối tượng theo Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy, phòng, chống bạo lực gia đình.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 BLHS, Điều 106 BLTTHS

* Tịch thu sung quỹ nhà nước: Tiền Việt Nam: 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)*. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MI, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.

* Tịch thu tiêu hủy: - 01 *(một)* vỏ bao cao su màu trắng, bên ngoài ghi chữ DOKU, đã qua sử dụng, 02 *(hai)* chiếc bao cao su, bên ngoài ghi chữ Condom Hualei, chưa sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2020 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang).

[6].Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1; 2 Điều 65; điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 47 ; 48 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

* Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội " Môi giới mại dâm ".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 06/11/2020.

Giao bị cáo Phạm Thị T cho UBND xã T1, huyện N, tỉnh Nam Định và gia đình nơi bị cáo cư trú cùng giám sát, giáo dục bị cáo T. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

* Xử lý vật chứng: - Tịch thu sung quỹ nhà nước:

Tiền Việt Nam: 5.500.000đ *(Năm triệu năm trăm nghìn đồng)*. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng. 01 *(một)* điện thoại di động nhãn hiệu MI, vỏ màu trắng, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 *(một)* vỏ bao cao su màu trắng, bên ngoài ghi chữ DOKU, đã qua sử dụng, 02 *(hai)* chiếc bao cao su, bên ngoài ghi chữ Condom Hualei, chưa sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2020 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang).

* Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Thị T phải chịu 200.000 đ, án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm hình sự có mặt bị cáo, báo cho bị cáo T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có QLNVLQ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niên yết .

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Viện kiểm sát TP. H, tỉnh Hà Giang;
- Công an TP.H,tỉnh Hà Giang;
- CQ THAHS TP H, tỉnh Hà Giang;
- Bị cáo T
- UBND xã T1, huyện N, tỉnh Nam định,
- Lưu HS - BP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sùng Thị Mai